TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 18** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 12/2025/LĐ-ST Ngày: 30 - 9 - 2025 V/v "Tranh chấp bảo hiểm xã hội"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Quân Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đức Chung.

2. Ông Trần Trung Hạnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực 18, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 13/2025/TLST - LĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025 về việc "Tranh chấp bảo hiểm xã hội" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 320/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1990; nơi cư trú: ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Công ty TNHH B; địa chỉ: Lô D-CN, đường D, khu công nghiệp M, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1988; nơi cư trú: Khu phố A, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh – là Nhân viên văn phòng của Công ty TNHH B (theo văn bản ủy quyền ngày 13/9/2025). Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội cơ sở B, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trọng K – Giám đốc. Người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Văn N1, chức vụ: Phó giám đốc (Văn bản uỷ quyền ngày 22/7/2025). Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên toà, tuy nhiên theo đơn khởi kiện ngày 22/4/2025; bản tự khai 22/4/2025, nguyên đơn (bà N) trình bày:

Bà Nguyễn Thị N ký kết hợp đồng lao động với bị đơn từ tháng 10/2022 đến ngày 31/3/2025 bà N xin nghỉ việc. Ngày 01/4/2025, bị đơn có Quyết định số QĐ/0204025 về việc chấp nhận cho bà N thôi việc và chấm dứt hợp đồng lao động. Tuy nhiên cho đến nay, bị đơn vẫn chưa thực hiện việc đóng bảo hiểm xã hội cho bà N đầy đủ nên không thể chốt bảo hiểm xã hội cho bà theo quy định. Theo đơn khởi kiện ngày 22/4/2025 cũng như tại các buổi làm việc, bà N khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH B phải thực hiện đóng bảo hiểm xã hội cho bà N thời gian từ tháng 3/2023 đến ngày 31/3/2025 với tổng số tiền là 43.612.800 đồng, chốt trả sổ bảo hiểm và trả lại tờ rời cho bà N.

Đại diện hợp pháp cho bị đơn vắng mặt tại phiên toà, tuy nhiên tại bản tự khai ngày 23/8/2025; Biên bản hoà giải ngày 15/9/2025, đại diện hợp pháp cho bị đơn – bà Nguyễn Thanh T trình bày:

Công ty TNHH B thống nhất với ý kiến của bà Nguyễn Thị N về việc ký kết hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH B với bà N, sau đó hợp đồng hết thời hạn nên tiếp tục ký lại hợp đồng lao động mới. Hiện nay, giữa Công ty TNHH B với bà N có liên quan với nhau "Hợp đồng lao động" số 2410002 ngày 27/9/2024.

Thực hiện quan hệ lao động, phía bà N có tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 3/2023 đến ngày 31/3/2025 theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, từ tháng 4/2025 khi giải quyết cho bà N nghỉ việc thì Công ty TNHH B còn nợ tiền chưa đóng bảo hiểm xã hội cho bà N từ tháng 3/2023 đến tháng 3/2025 với tổng số tiền là 43.612.800 đồng. Nguyên nhân là do phía Công ty TNHH B gặp khó khăn về tài chính. Bà T thống nhất với ý kiến của bà Nguyễn Thị Thu T1 là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trước đây.

Nay bà N khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH B phải thực hiện đóng bảo hiểm xã hội cho bà N thời gian từ tháng 3/2023 đến ngày 31/3/2025 với tổng số tiền là 43.612.800 đồng, chốt trả sổ bảo hiểm và trả lại tờ rời cho bà N thì Công ty TNHH B chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở B1, Thành phố Hồ Chí Minh vắng mặt tại phiên toà. Tuy nhiên, tại Công văn số 210/CV-BHXH ngày 04/9/2025 của Bảo hiểm xã hội cơ sở Bến Cát xác định mức đóng bảo hiểm xã hội của bà N từ 10/2022 đến tháng 10/2023 với mức lương 5.260.000 đồng; từ tháng 11/2023 đến tháng 7/2024 mức lương 5.410.000 đồng và từ tháng 8/2024 đến tháng 3/2025 mức lương 5.690.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 32, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố dụng dân sự về xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền thụ lý vụ án; Điều 68 Bộ luật Tố dụng dân sự về xác định tư cách tham gia tố tụng; Các điều từ 93 đến 97 Bộ luật Tố dụng dân sự về việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng

cứ; Điều 195, 196 Bộ luật Tố dụng dân sự về trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự; các Điều từ 205, 206, 208, 209, 210, 211 Bộ luật Tố dụng dân sự về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Điều 203 Bộ luật Tố dụng dân sự về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm này đã chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 85, 86 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đây là vụ án Tranh chấp bảo hiểm xã hội. Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật.

- Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy:

Bà N làm công nhân của công ty TNHH B từ tháng 10/2022 cho đến tháng 3/2025 và có ký kết hợp đồng lao động. Công ty TNHH B đã thừa nhận chưa đóng bảo hiểm xã hội cho bà N từ tháng 3/2023 đến tháng 3/2025 là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh. Do đó, việc công ty TNHH B chưa đóng bảo hiểm xã hội cho bà N từ tháng 3/2023 đến tháng 3/2025 là vi phạm trách nhiệm của người sử dụng lao động trong việc đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho người lao động nên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N.

Căn cứ vào các chứng cứ của đương sự cung cấp, Toà án thu thập và quy định định của pháp luật tại các Điều 3, 6 Bộ luật Lao động năm 2021; Điều 2, 10, 13 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N về việc yêu cầu Công ty TNHH B phải nộp số tiền bảo hiểm xã hội 43.612.800 đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ của đương sự cung cấp, Toà án thu thập và quy định của pháp luật, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Các đương sự tranh chấp về bảo hiểm xã hội, theo quy định tại Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp bảo hiểm xã hội"; tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn Công ty TNHH B có địa chỉ tại Lô D-CN, đường D, khu công nghiệp M, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 18, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung vụ án: Bà N khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH B phải thực hiện đóng bảo hiểm xã hội cho bà N thời gian từ tháng 3/2023 đến ngày 31/3/2025 với tổng số tiền là 43.612.800 đồng, chốt trả sổ bảo hiểm và trả lại tờ rời cho bà N.

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị N ký kết hợp đồng lao động với bị đơn Công ty TNHH B và làm việc từ tháng 10/2022 đến 31/3/2025 bà N xin nghỉ việc. Ngày 01/4/2025, bị đơn có Quyết định số QĐ/0204025 về việc chấp nhận cho bà N thôi việc và chấm dứt hợp đồng lao động. Tuy nhiên cho đến nay, bị đơn vẫn chưa thực hiện việc đóng bảo hiểm xã hội với tổng số tiền là 43.612.800 đồng cho bà N nên không thể chốt bảo hiểm xã hội theo quy định. Bị đơn Công ty TNHH B thừa nhận chưa thực hiện đóng bảo hiểm xã hội cho bà N thời gian từ tháng 3/2023 đến ngày 31/3/2025 với số tiền phải đóng nêu trên nên chưa thể chốt trả sổ bảo hiểm và trả lại tờ rời cho bà N.

[2.2] Căn cứ chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, bị đơn thống nhất thừa nhận và Công văn số 210/CV-BHXH ngày 04/9/2025 xác định mức đóng bảo hiểm xã hội của bà N từ 10/2022 đến tháng 10/2023 với mức lương 5.260.000 đồng; từ tháng 11/2023 đến tháng 7/2024 mức lương 5.410.000 đồng và từ tháng 8/2024 đến tháng 3/2025 mức lương 5.690.000 đồng, có căn cứ xác định được bị đơn Công ty TNHH B chưa thực hiện đóng bảo hiểm xã hội cho bà N từ tháng 3/2023 đến ngày 31/3/2025 với tổng số tiền là 43.612.800 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 18, Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ, là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các các Điều 32, Điều 35, Điều 39; các Điều 92; 93; 96; 97; Điều 227; 228; 235; 238; 264; 266; 267 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 3 và Điều 6 Bộ luật Lao động năm 2021; Điều 2, 10, 13 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024;

- Các Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về "Tranh chấp bảo hiểm xã hội" của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N với bị đơn Công ty TNHH B.

- Buộc Công ty TNHH B có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị N từ tháng 10/2022 đến tháng 10/2023 với mức lương 5.260.000 đồng; từ tháng 11/2023 đến tháng 7/2024 mức lương 5.410.000 đồng và từ tháng 8/2024 đến tháng 3/2025 mức lương 5.690.000 đồng, thành tiền 43.612.800 (bốn mươi ba triệu sáu trăm mười hai nghìn tám trăm) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí lao động sơ thẩm:

Bị đơn Công ty TNHH B phải chịu 1.308.384 (một triệu ba trăm lẻ tám ngàn ba trăm tám mươi tư) đồng án phí lao động sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn, đại diện bị đơn, đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 18, TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quân Vương